

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh

Ngày 30/09/2025	12,250 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	32.9%	72.8%

DT thuần Q3/25
864
tỷ VNĐ
QoQ: ▼101 -10.5%
YoY: ▲ 282 48.5%

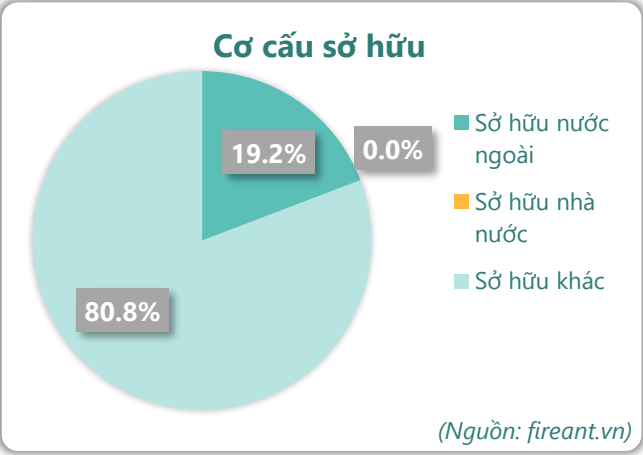
LN thuần Q3/25
145
tỷ VNĐ
QoQ: ▼190 -56.8%
YoY: ▲ 64.5 79.8%

LN sau thuế Q3/25
98.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼217 -68.8%
YoY: ▲ 45.7 86.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
19.4%
YoY: +/-▼ 21.9%

ROE (TTM) Q3/25
4.4%
YoY: +/-▲ 0.5%

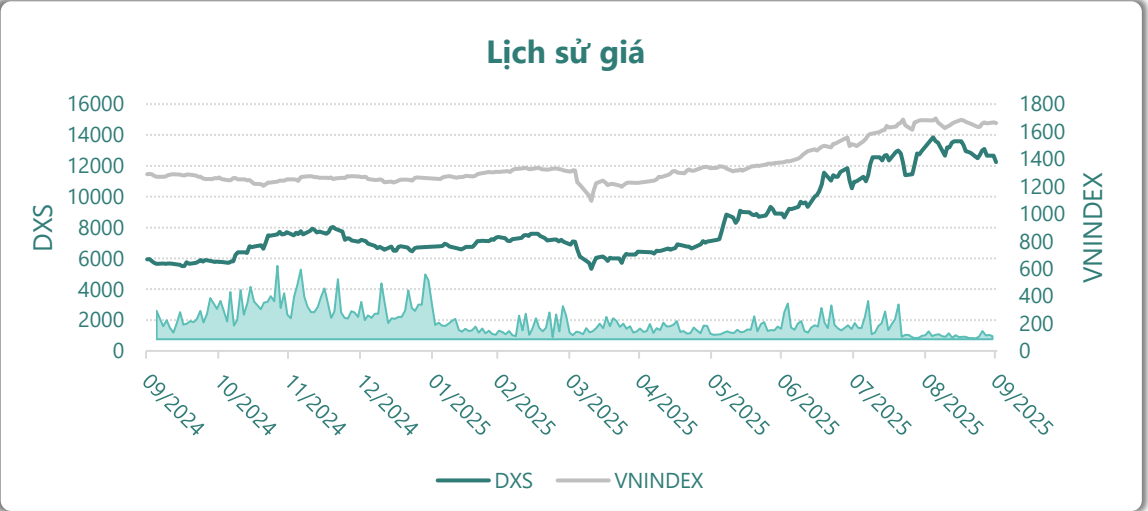
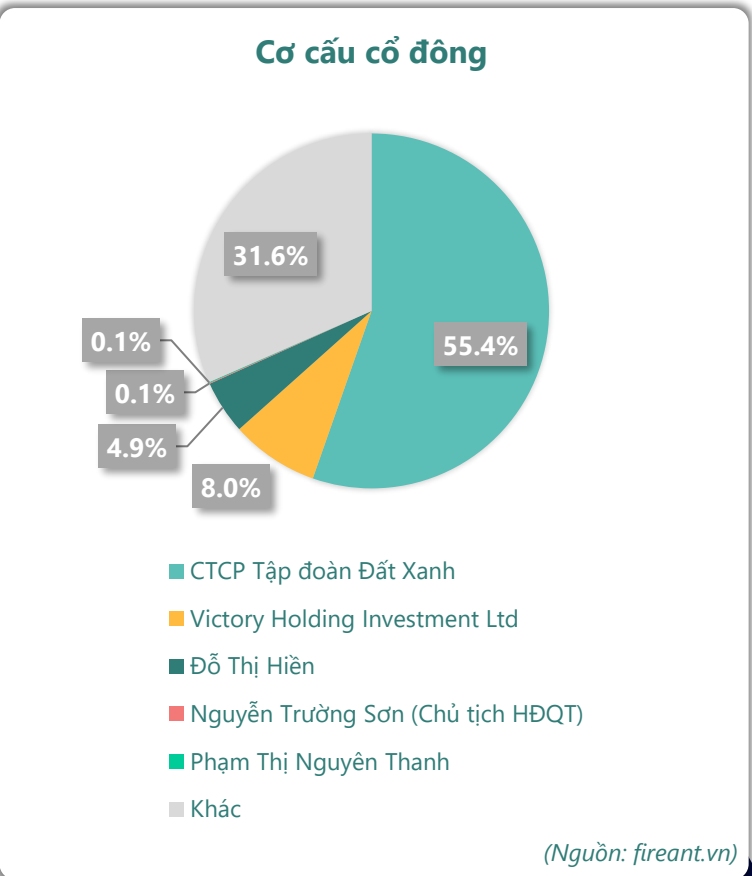
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,320 - 13,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,094
Số lượng CPLH (CP)	579,103,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,740,670
Sở hữu nước ngoài	19.2%
Beta	1.22
EPS	639
P/E	19.2



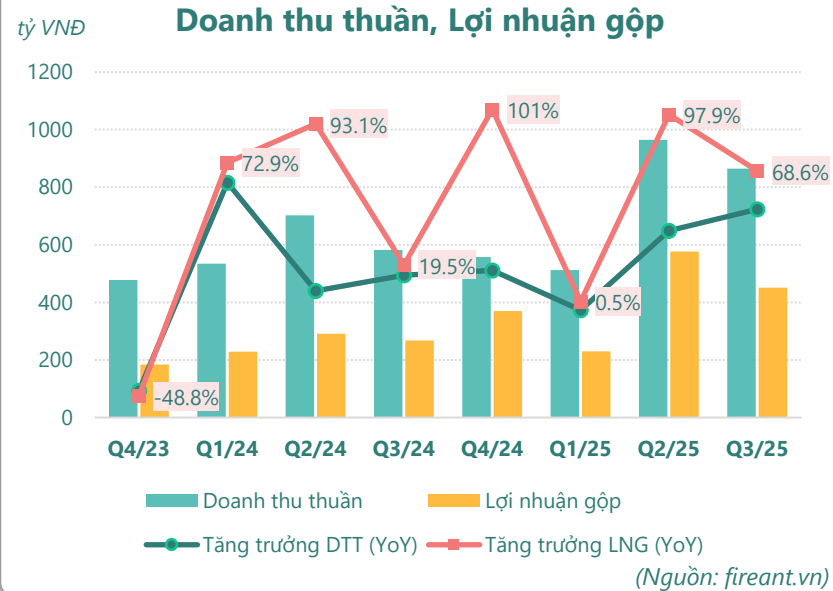
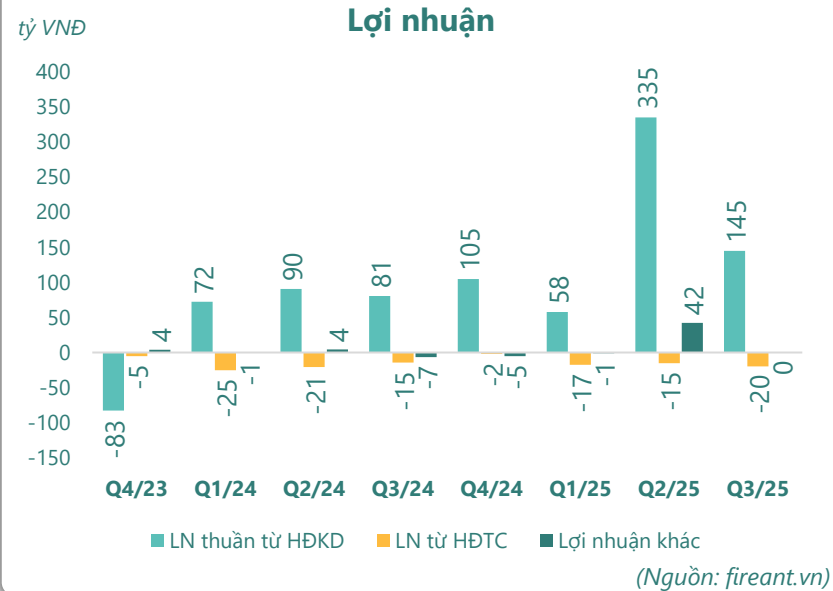
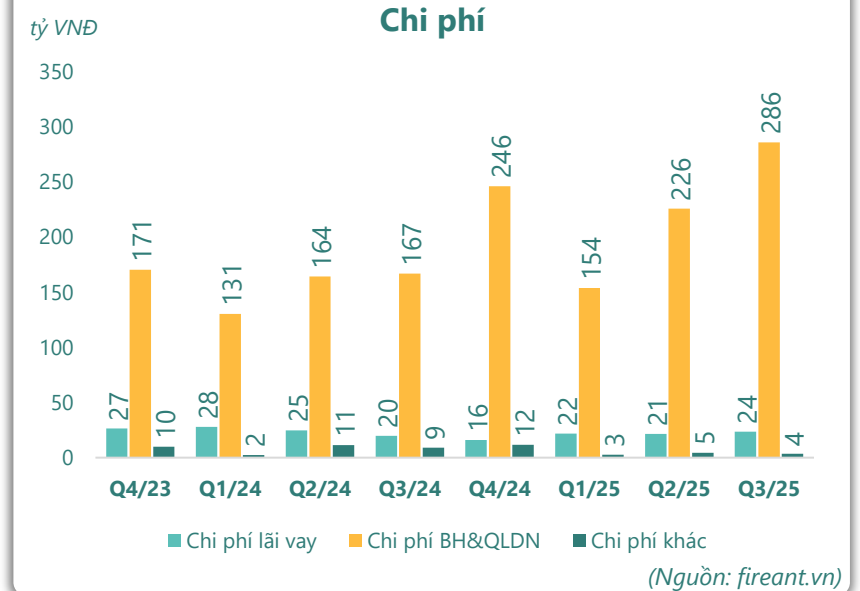
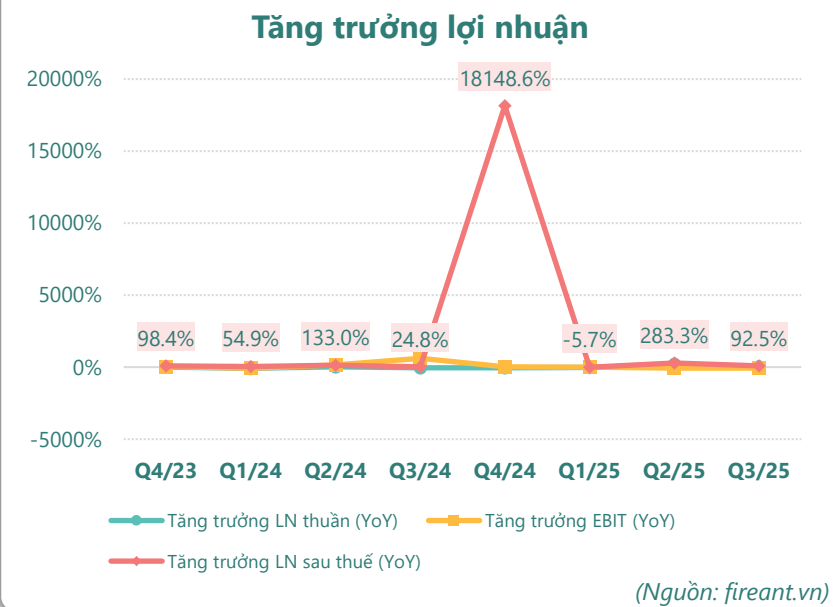
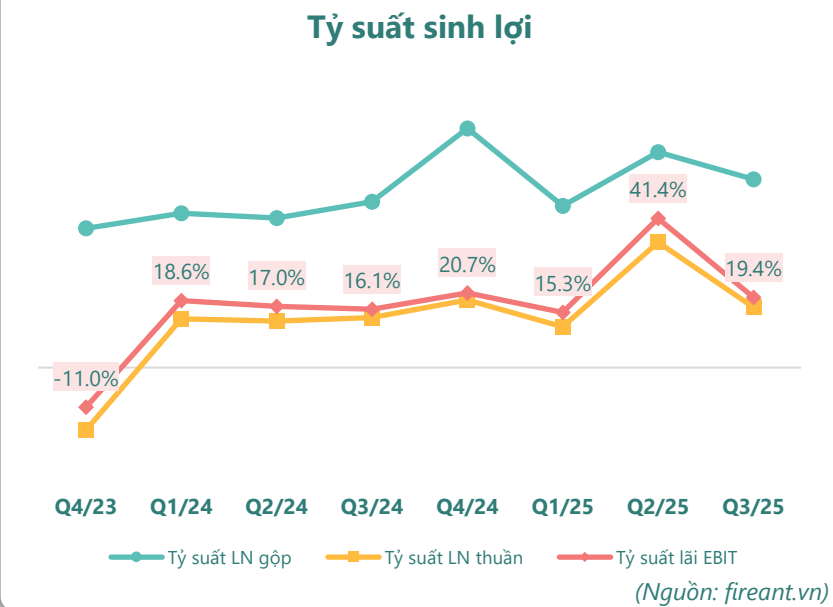
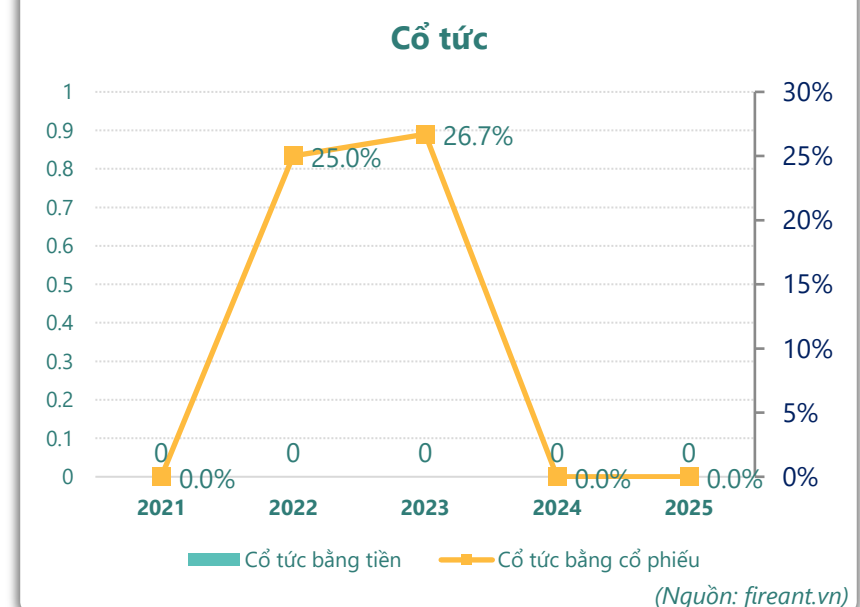
DT thuần 9T 2025
2,342
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 524 28.8%

LN thuần 9T 2025
538
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 295 121%

LN sau thuế 9T 2025
458
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 275 151%

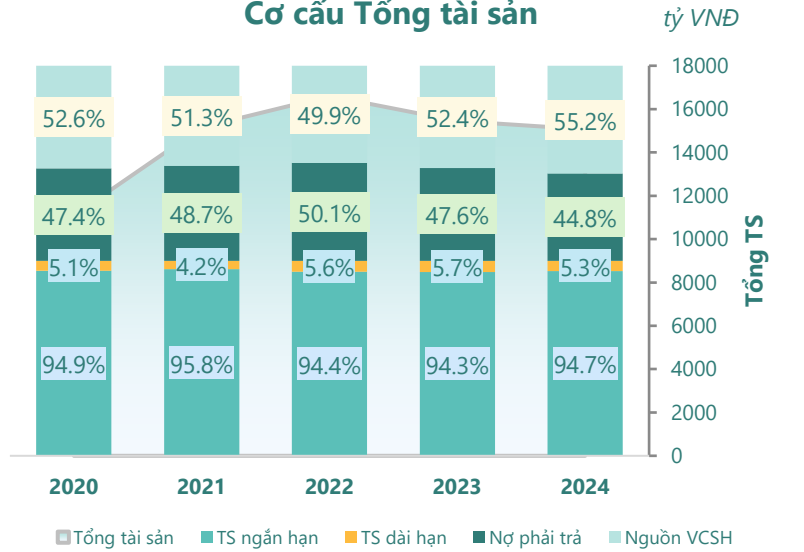


KẾT QUẢ KINH DOANH

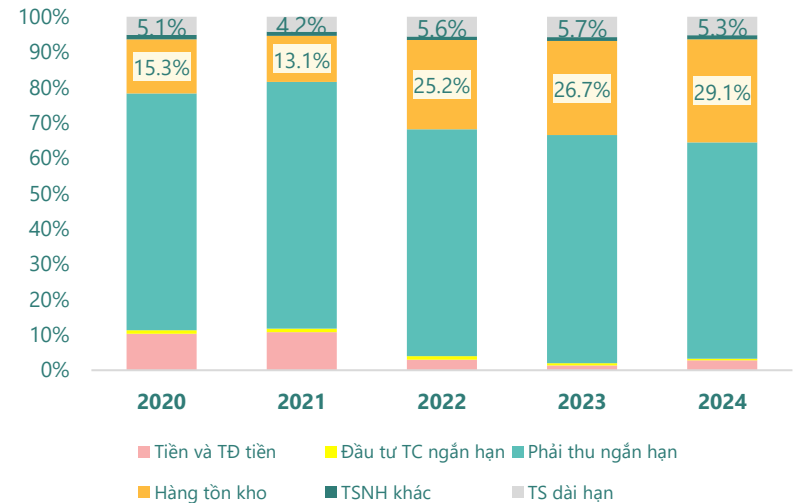


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

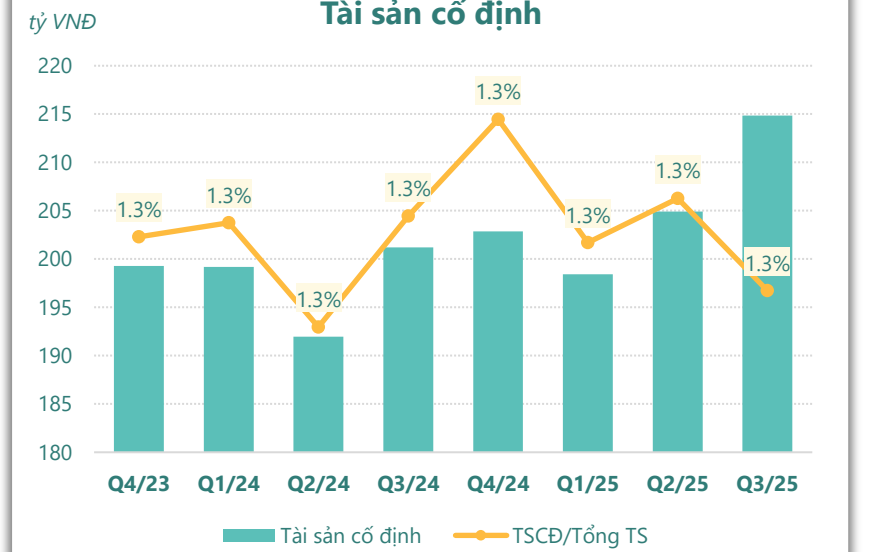
Cơ cấu Tổng tài sản



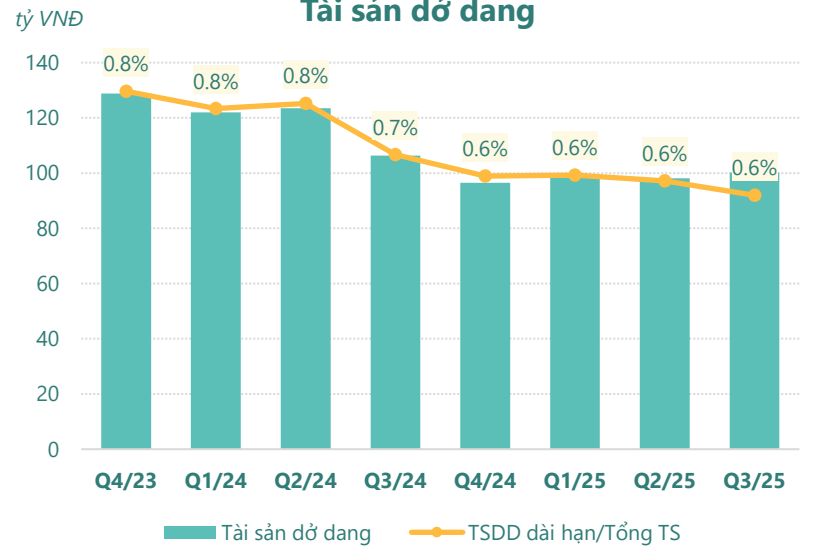
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



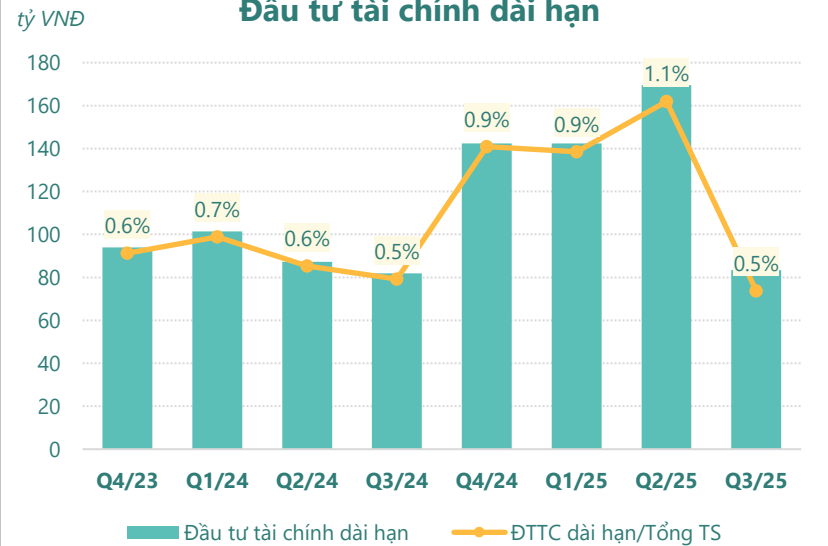
Tài sản cố định



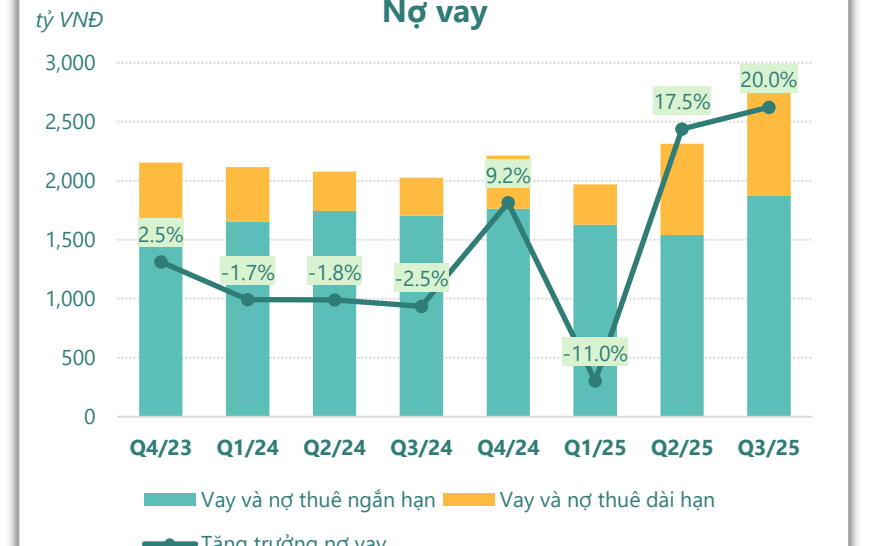
Tài sản dở dang



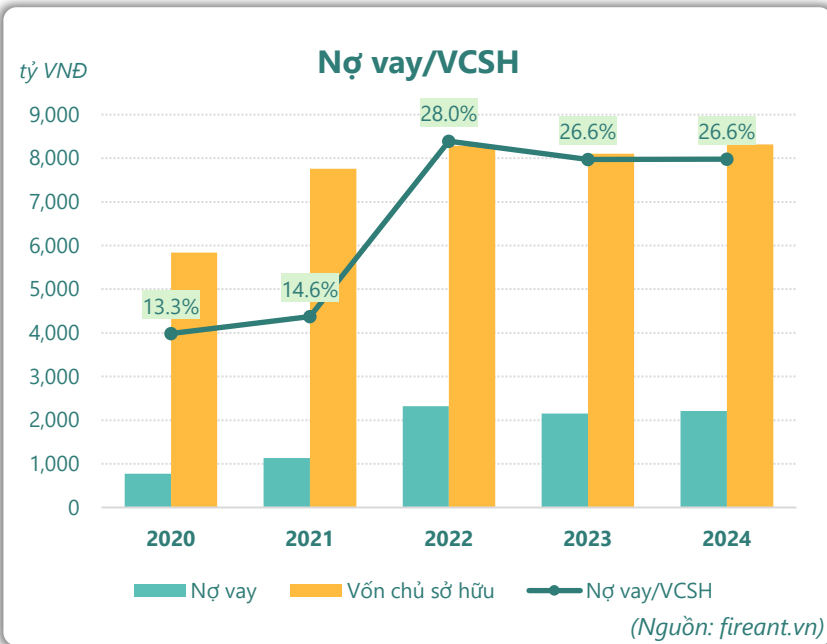
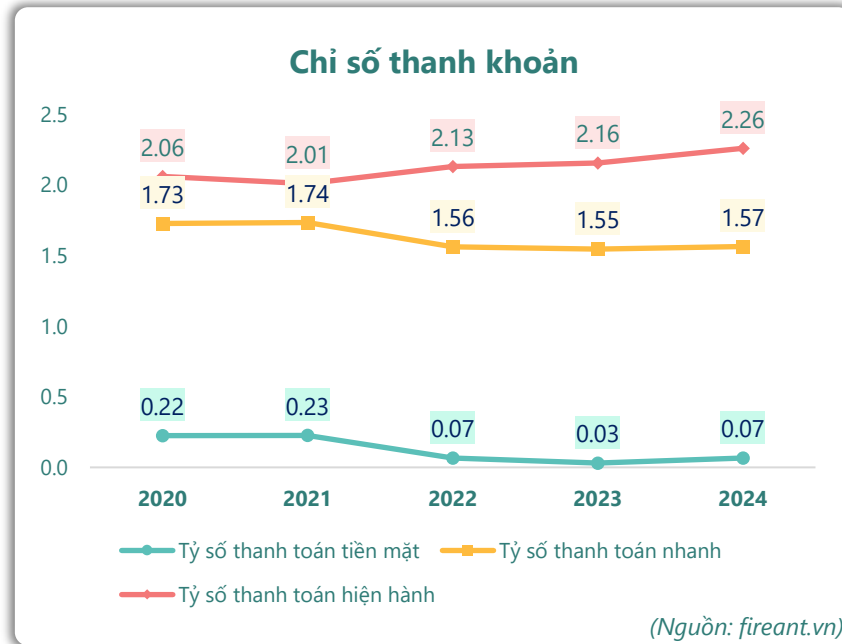
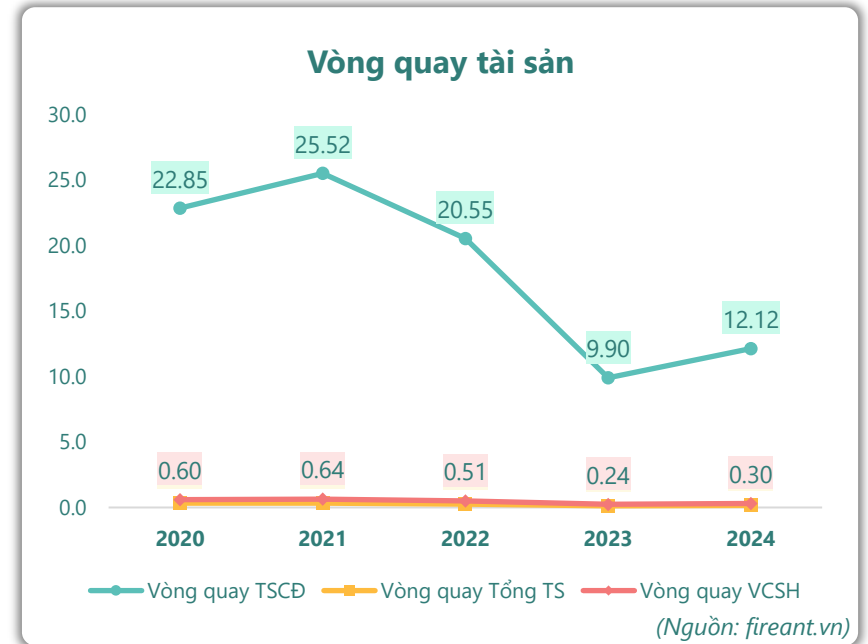
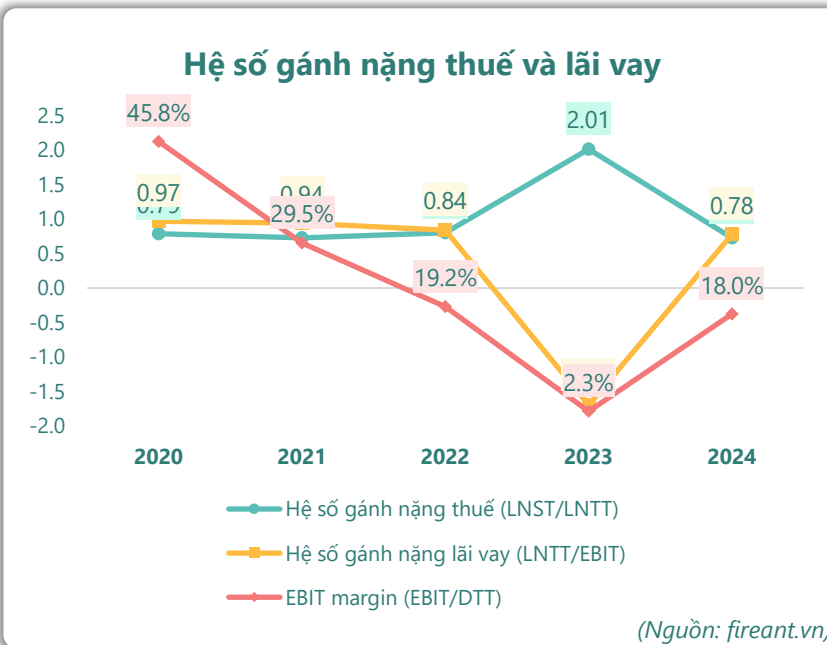
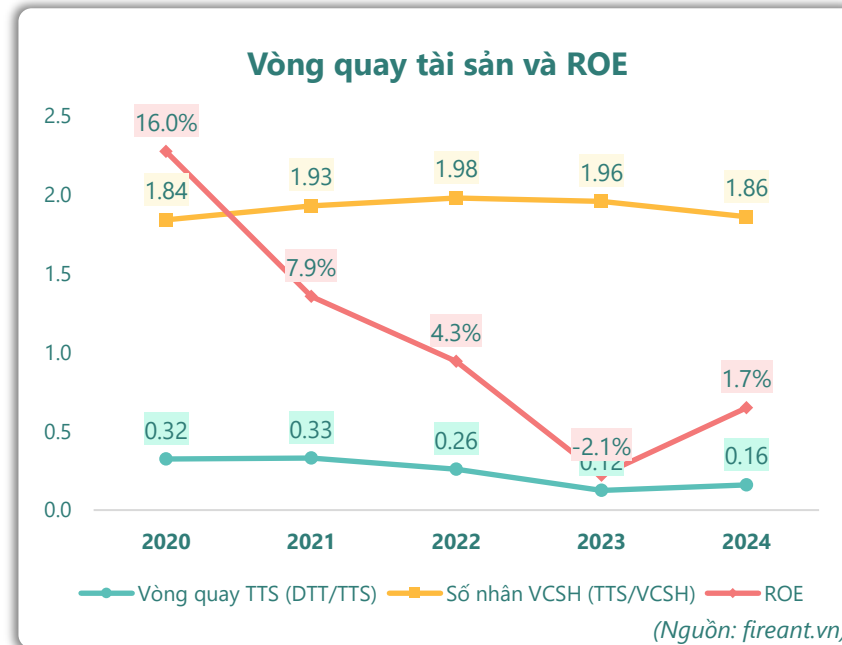
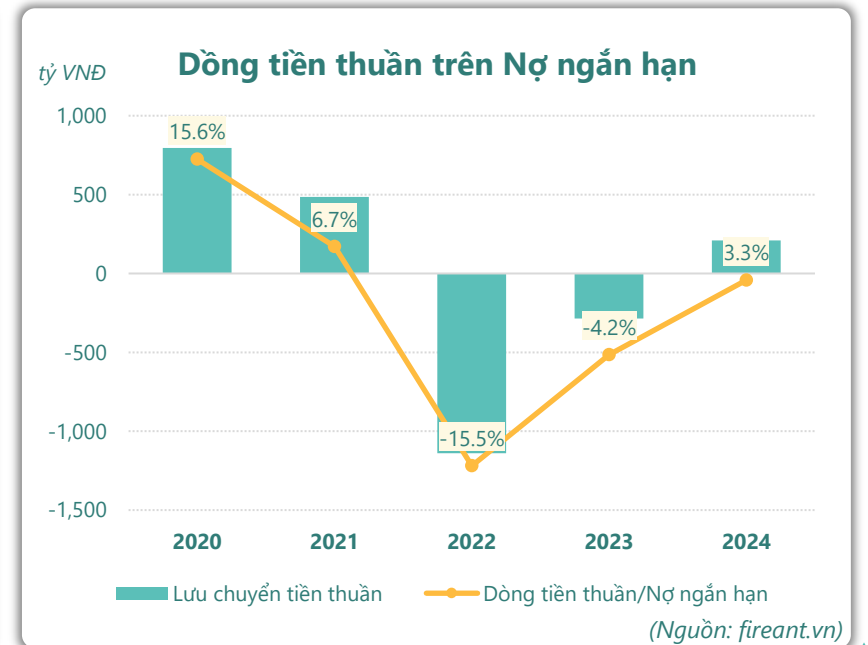
Đầu tư tài chính dài hạn



Nợ vay



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	864	582	48.5%	2,342	1,818	28.8%
Giá vốn hàng bán	413	314	31.5%	1,084	1,031	5.2%
Lợi nhuận gộp	451	268	68.4%	1,257	787	59.7%
Doanh thu HĐTC	3.60	7.05	-48.9%	15.0	15.7	-4.9%
Chi phí TC	23.6	21.6	9.3%	67.7	76.0	-11.0%
Chi phí lãi vay	23.5	19.9	18.3%	66.8	72.7	-8.1%
LN trong công ty LKLD	-0.39	-5.61	93.0%	-0.34	-21.9	98.4%
Chi phí bán hàng	203	108	88.2%	478	308	55.4%
Chi phí QLDN	82.9	58.9	40.8%	188	155	21.9%
LN thuần từ HĐKD	145	80.5	79.8%	538	243	121%
Lợi nhuận khác	-0.41	-6.52	93.7%	40.7	-3.10	1413%
LN trước thuế	144	74.0	95.1%	579	240	141%
Lợi nhuận sau thuế	98.6	52.9	86.5%	458	183	151%
LNST của CĐ cty mẹ	77.6	34.9	122%	334	104	220%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	117	52.7	-92.2	113	-251	-16.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.5	-27.0	-79.3	9.05	-10.1	-75.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-41.7	-52.1	192	-242	361	348
Tiền đầu kỳ	331	422	396	416	296	397
Lưu chuyển tiền thuần	91.3	-26.4	20.5	-120	100	257
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	422	396	416	296	397	653

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	16,958	15,069	12.5%
Tài sản ngắn hạn	16,271	14,276	14.0%
Tiền và tương đương tiền	653	416	57.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	106	77.6	36.8%
Phải thu ngắn hạn	10,491	9,221	13.8%
Hàng tồn kho	4,819	4,391	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	201	171	17.7%
Tài sản dài hạn	688	792	-13.2%
Phải thu dài hạn	1.94	79.1	-97.5%
Tài sản cố định	215	203	5.9%
Bất động sản đầu tư	65.8	63.0	4.6%
Tài sản dở dang	100	96.5	3.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	83.3	142	-41.5%
Tài sản dài hạn khác	122	93.2	31.1%
Lợi thế thương mại	99.4	115	-13.7%
Nợ phải trả	8,299	6,752	22.9%
Nợ ngắn hạn	7,290	6,313	15.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,871	1,834	2.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	439	290	51.1%
Nợ dài hạn	1,009	439	130%
Vay và nợ thuê dài hạn	907	378	140%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,659	8,316	4.1%
Vốn chủ sở hữu	8,659	8,316	4.1%
Vốn điều lệ	5,791	5,791	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

